



BÁO CÁO

DIỄN ĐÀN TÀI NGUYÊN MÊ KÔNG LẦN THỨ II

Hợp tác đầu tư và phát triển bền vững tiểu vùng Mê Kông

Vĩnh Phúc, ngày 10/5/2013

Cảm ơn sự hỗ trợ của:



Diễn đàn Tài nguyên Mê Kông là sáng kiến nhằm thúc đẩy đối thoại về vấn đề quản trị tài nguyên và phát triển bền vững lưu vực sông Mê Kông giữa các tổ chức trong khu vực.

Diễn đàn Tài nguyên Mê Kông lần thứ nhất đã được tổ chức vào tháng 12/2011 với sự tham gia của nhiều tổ chức chính phủ và phi chính phủ từ Lào và Việt Nam. Mục tiêu của diễn đàn là tăng cường trao đổi thông tin về vấn đề liên quan đến quản trị tài nguyên nước trong khu vực.

Mục lục

Giới thiệu	4
Mục tiêu	5
Thành phần tham dự	5
Chương trình	5
Phần I - Thực trạng đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài	6
Phần II – Tác động môi trường và xã hội từ hoạt động đầu tư của Việt Nam.	8
Phần III – Quản lý tốt hơn hoạt động đầu tư ra nước ngoài	16
Phần IV – Đối thoại chính sách	18
Phần V - Tổng kết và Kết luận	21
Phụ lục I – Danh sách tham dự hội thảo	22
Phụ lục II – Chương trình hội thảo	26

Giới thiệu

Cùng với xu hướng tự do hóa trong thương mại và đầu tư quốc tế, toàn cầu hóa và khu vực hóa, cũng như sự hội nhập sâu sắc của cộng đồng chung ASEAN, các dòng vốn luân chuyển, tìm đến các thị trường mới giàu tiềm năng hơn. Cũng nằm trong xu hướng đó, trong thập kỷ qua, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài không ngừng gia tăng. Theo thống kê của Cục Quản lý Đầu tư Nước ngoài, tính đến 31/12/2012, đã có tổng cộng 719 dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài được cấp phép với tổng số vốn đăng ký là 29,23 tỷ đô la Mỹ, trong đó vốn của các nhà đầu tư Việt Nam là 12,87 tỷ đô la Mỹ. Trong đó, lưu vực sông Mê Kông là nơi tiếp nhận đầu tư lớn nhất của Việt Nam.

Sự dịch chuyển nguồn vốn ra nước ngoài là tín hiệu đáng mừng của nền kinh tế sau gần 3 thập kỷ đổi mới, cũng là minh chứng cho sự hội nhập sâu sắc của Việt Nam vào các tiến trình khu vực và quốc tế. Trong khu vực Mê Kông, dòng đầu tư từ Việt Nam đã và đang có nhiều đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của các nước bạn. Tuy nhiên, như đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam cũng còn gặp nhiều tồn tại và hạn chế. Bên cạnh các rủi ro về kinh tế, môi trường kinh doanh, luật pháp và văn hóa của nước sở tại, nhiều khía cạnh khác về môi trường - xã hội chưa được doanh nghiệp và các nhà đầu tư chú ý, tính toán đầy đủ.

Trong cơ cấu đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, các lĩnh vực liên quan đến tài nguyên thiên nhiên (phát triển thủy điện, khai khoáng, cây công nghiệp và khai thác lâm sản) chiếm một tỷ trọng rất lớn. Các loại hình dự án này thường có nguy cơ gây nhiều tác động tiêu cực đến tài nguyên, hệ sinh thái và cộng đồng sở tại. Trong bối cảnh luật pháp của các nước sở tại ngày càng thắt chặt; nhận thức của cộng đồng ngày càng được cải thiện; và cơ chế cho sự giám sát của các tổ chức ngoài nhà nước ngày càng được mở rộng, doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt với không ít thách thức trong việc đảm bảo sự an toàn cho hoạt động đầu tư. Trong trường hợp không đảm bảo tuân thủ các chính sách môi trường xã hội của nước sở tại và giải quyết được các xung đột với cộng đồng địa phương, doanh nghiệp Việt Nam có thể phải đối mặt với nhiều nguy cơ thất bại.

Các dự án đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là dự án khai thác tài nguyên, còn có thể gây những tác động ngược không mong muốn đối với Việt Nam. Việt Nam cũng đã bắt đầu tham gia vào nhiều thỏa thuận và công ước quốc tế, bao gồm các cam kết liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên. Việc quản lý không tốt các hoạt động thương mại và đầu tư nước ngoài có thể ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế và qua đó có thể làm giảm vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực.

Câu hỏi được đặt ra là nên cải thiện hệ thống chính sách quản lý như thế nào để giảm thiểu các tác động không mong muốn từ các dự án đầu tư ra nước ngoài, nâng cao vị thế quốc gia trong khu vực đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư một cách an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm - qua đó xây dựng hình ảnh một Việt Nam thịnh vượng, thân thiện, có trách nhiệm. Để cùng thảo luận về vấn đề này, Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), Hiệp hội Doanh nghiệp đầu tư ở nước ngoài (VAFIE), Tạp chí Đầu tư Nước ngoài, Hiệp hội Hợp tác Phát triển Kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia và Tổ chức Forest Trends cùng phối hợp tổ chức diễn đàn này để chia sẻ thông tin về thực trạng và các giải pháp chính sách để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường của các dự án đầu tư nước ngoài.

Mục tiêu

- Chia sẻ thông tin và quan điểm của các bên liên quan về vấn đề đầu tư nước ngoài và giải pháp giảm thiểu tác động lên tài nguyên, môi trường, xã hội.
- Thúc đẩy hợp tác khu vực nhằm góp phần quản trị bền vững tài nguyên thiên nhiên thông qua việc cải thiện chính sách và khuyến khích áp dụng các chuẩn mực tốt trong đầu tư ra nước ngoài.

Thành phần tham dự

Hội thảo có sự tham gia của 87 đại biểu Việt Nam đại diện cho các cơ quan chính phủ, quốc hội, nghiên cứu, phi lợi nhuận, truyền thông và doanh nghiệp. Ngoài ra, hội thảo còn có sự tham gia của 20 khách mời đại diện từ các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội của Campuchia, Lào, Myanmar, Phillippine và một số quốc gia khác. Thành phần khách mời cụ thể gồm:

- 8 đại biểu từ Campuchia
- 6 đại biểu từ Lào
- 2 đại biểu từ Myanmar
- 4 đại biểu từ các tổ chức quốc tế
- 87 đại biểu từ Việt Nam

Danh sách khách mời cụ thể được đính kèm trong Phụ lục I.

Chương trình

Chương trình hội thảo được chia thành 3 phần chính gồm: Thực trạng đầu tư của Việt Nam ở Tiểu vùng Mê Kông; Tác động môi trường – xã hội từ các hoạt động đầu tư của Việt Nam; và Các giải pháp để quản lý tốt hơn hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Các báo cáo tham luận đề cập đến các vấn đề chính sau:

- Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và kinh nghiệm quản lý đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.
- Tác động Môi trường và Xã hội từ các dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (ODI) trong lĩnh vực phát triển thủy điện, khai khoáng và lâm nghiệp.
- Cạnh tranh trong khai thác tài nguyên ở khu vực Mê Kông và mối quan hệ với phát triển bền vững.
- Các quy định và chuẩn mực quốc tế nhằm hạn chế những tác động tiêu cực cho môi trường và xã hội của các dự án đầu tư nước ngoài.

Chương trình cụ thể được đính kèm trong phụ lục số II.

Phần I - Thực trạng đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài

1.1. Đầu tư trực tiếp của Việt Nam ở một số nước tiểu vùng Mê Kông

Ông Vũ Văn Trung, Phó Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Việt Nam đã đầu tư vào hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đầu tư lên tới 13.5 tỷ USD. Trong đó, đầu tư ra các nước Tiểu vùng sông Mê Kông chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài. Trong các quốc gia tiếp nhận đầu tư của Việt Nam, Lào đứng thứ nhất với 222 dự án đầu tư và 3.9 tỷ USD vốn đăng ký; Campuchia đứng thứ 2 với 120 dự án và 2,64 tỷ USD vốn đăng ký. Mặc dù mới mở cửa thị trường từ năm 2010, Myanmar cũng đã tiếp nhận 7 dự án đầu tư với tổng số vốn 460 triệu USD từ Việt Nam. Myanmar đứng thứ 6 trong số 60 quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư của Việt Nam. Thái Lan xếp thứ 27 trong số các quốc gia tiếp nhận vốn đầu tư của Việt Nam với 7 dự án và 11 triệu USD.

Các lĩnh vực đầu tư chính của Việt Nam ở Tiểu vùng Mê Kông là cao su, mía đường, phân bón sinh học, thủy điện, khai khoáng. Các dự án này chủ yếu tập trung ở Lào và Campuchia. Các dự án của Việt Nam đã đóng vai trò tích cực trong việc tăng thu ngân sách, tạo việc làm, nâng cao năng lực lao động và cải thiện cuộc sống người dân ở nước bạn.

Hợp tác phát triển kinh tế-xã hội gắn với phát triển bền vững của cả khu vực Tiểu vùng Mekong vừa là mục tiêu vừa là trách nhiệm của mỗi quốc gia trong khu vực. Việt Nam luôn ý thức được vấn đề này bởi Việt Nam vừa là thành viên trong nhóm các quốc gia tiểu vùng Mekong, vừa là quốc gia có phần lớn lãnh thổ nằm ở cuối nguồn của dòng sông Các tác động về tự nhiên, sinh thái, môi trường trên sông Mekong sẽ ảnh hưởng đến cả khu vực, trong đó có Việt Nam. Do vậy, việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư quy mô lớn trên dòng chính của sông Mekong cần phải tính đến các yếu tố phát triển bền vững không chỉ cho quốc gia tiếp nhận đầu tư mà cho cả khu vực.

Nhằm mục tiêu phát triển bền vững, Chính phủ Việt Nam đã yêu cầu các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào các nước tiểu vùng Mekong phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật của cả Việt Nam và nước sở tại. Các nhà đầu tư Việt Nam cũng cần bảo đảm hài hòa mục tiêu kinh tế, góp phần cải thiện đời sống nhân dân vùng dự án, xóa đói giảm nghèo và giảm thiểu những tác động môi trường.

1.2. Doanh nghiệp Việt Nam và hoạt động hợp tác đầu tư tại tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

TS. Cao Văn Bản, Hiệp hội Phát triển Hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia

Tam giác Phát triển gồm 13 tỉnh thuộc Campuchia, Lào và Việt Nam. Trong đó, 4 tỉnh thuộc Campuchia, 4 tỉnh thuộc Lào và 5 tỉnh thuộc Việt Nam. Hợp tác phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực Tam giác Phát triển tập trung vào giao thông, thương mại và đầu tư. Ở khu vực Tam giác Phát triển, Việt Nam đã đầu tư 25 dự án ở Campuchia và 50 dự án ở Lào.

Các hoạt động đầu tư trong Tam giác Phát triển đã đạt được một số thành tựu và tác động tích cực cho khu vực nhưng cũng phải đối mặt với không ít thách thức. Hầu hết các tỉnh thuộc khu vực tam giác phát triển là vùng núi nên việc giao thương không thuận lợi; Các công trình hợp tác về phát triển cơ sở hạ tầng chậm so kế hoạch đề ra; Việc thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thông qua các thỏa thuận hợp tác song phương rất hạn chế về nguồn lực và thiếu sự tham gia chung của cả ba quốc gia; Hiệu quả hoạt động của các Ủy ban Điều phối Khu vực tam giác phát triển CLV và các Tiểu ban chưa đạt được những hiệu quả như mong muốn.

Diễn giả đưa ra một số khuyến nghị để giải quyết những vấn đề còn tồn tại như phát triển cơ sở hạ tầng; Hoàn thiện cơ chế, chính sách và đặc biệt là dành ưu đãi nhiều hơn cho các dự án đầu tư vào khu vực tam giác phát triển; Đổi mới hình thức xúc tiến thương mại đầu tư; Xây dựng mở rộng các khu vực kinh tế ở biên giới; Đơn giản hóa các thủ tục xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hóa; Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong khu vực Tam giác phát triển.

1.3. Đầu tư nước ngoài và Phát triển bền vững.

Giáo sư, TSKH Nguyễn Mai, Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (VAFIE)

Giáo sư Nguyễn Mai tổng kết kinh nghiệm của Việt Nam sau 25 năm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và phân tích mối quan hệ của FDI với phát triển bền vững. Trong hơn hai thập kỷ qua, để đạt được một số thành tựu về phát triển kinh tế, Việt Nam cũng phải trả giá khá đắt về môi trường và xã hội. Do đó, kinh nghiệm từ Việt Nam có thể hữu ích cho Lào, Campuchia và Myanmar trong việc quản lý nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Việt Nam đã áp dụng mô hình phát triển dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ. Do đó, hiệu quả phát triển không đạt được như kỳ vọng. Sau 3 cuộc khủng hoảng kinh tế, nông nghiệp vẫn thể hiện vai trò “cứu cánh” cho nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh việc tăng trưởng kinh tế, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề môi trường và xã hội. Các vấn đề xã hội gồm đói nghèo, việc làm, dân số, chất lượng y tế, đô thị hóa và giáo dục. Các vấn đề môi trường gồm tình trạng khai thác quá mức tài nguyên khoáng sản, mất cân bằng trong các mục tiêu phát triển, ô nhiễm đô thị và chất thải ở các khu công nghiệp. Ngoài ra, Việt Nam còn là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu sẽ gây ra nhiều tác động đến tăng trưởng kinh tế.

Trong nhiều năm qua, FDI góp phần cho nỗ lực tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, tỷ lệ FDI/vốn đầu tư xã hội không tăng tương ứng với tỷ lệ FDI/GDP. Ví dụ, trong giai đoạn 2001 – 2005, tỷ lệ FDI/vốn đầu tư xã hội là 16%, FDI/GDP là 14,5%; Tuy nhiên đến năm 2012, tỷ lệ FDI/vốn đầu tư xã hội là 26% trong khi FDI/GDP chỉ đạt 19,43%. Do đó, chiến lược mới của Việt Nam là sử dụng FDI chất lượng và hiệu quả cao, phát triển nền kinh tế ít phát thải cacbon, tập trung chuyển giao công nghệ và lao động có kỹ năng. Trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ chuẩn bị ban hành một Nghị định mới về ưu đãi đầu tư FDI trong giai đoạn mới, đặc biệt khi dòng vốn ODA chảy vào Việt Nam đang giảm sút khi Việt Nam không còn thuộc nhóm các quốc gia có thu nhập thấp từ 2008. Diễn giả cũng nhấn mạnh rằng Việt Nam chắc chắn sẽ không thu hút FDI bằng mọi giá, các lĩnh vực đầu tư sẽ được phân loại nhằm khuyến khích hoặc giới hạn đầu tư.

Kết thúc bài tham luận, Giáo sư Nguyễn Mai đưa ra một số đề xuất cho những nước đang phát triển như Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar trong việc sử dụng nguồn vốn FDI để phát triển bền vững. Các giải pháp chính được đề xuất gồm giảm tiêu thụ năng lượng cho tăng trưởng GDP, lựa chọn dự án đầu tư sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, tập trung nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ. Một lần nữa, diễn giả nhấn mạnh rằng (i) FDI là cần thiết, nhưng không phải là yêu cầu bắt buộc đối với các quốc gia; (ii) Chính phủ và chính quyền địa phương vừa phải tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, vừa biết lựa chọn đối tác, dự án phù hợp với phát triển bền vững của đất nước; (iii) Các cấp chính quyền cần chủ động trong các khâu thu hút FDI.

1.4. Thảo luận

Câu hỏi: Bà Phạm Cẩm Nhung – WWF Việt Nam

Tiềm năng đầu tư của Việt Nam trong khu vực và Lĩnh vực đầu tư ưu tiên của Việt Nam? Việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế cho việc đầu tư ra nước ngoài? Các nhà đầu tư có mong muốn thực hiện những tiêu chuẩn này không? Có lập danh sách nhà đầu tư xấu không?

Phản hồi: Ông Vũ Văn Chung – Cục đầu tư nước ngoài

Khi kinh tế trong nước gặp khó khăn, việc đầu tư ra nước ngoài là một cơ hội để phát triển. Các thể mạnh đầu tư của Việt Nam gồm phát triển cây công nghiệp và nông nghiệp. Những lĩnh vực này cũng nằm trong chiến lược quốc gia và là lĩnh vực đầu tư nhiều nhất của Việt Nam ra nước ngoài. Danh sách các nhà đầu tư ra nước ngoài luôn được công bố và cập nhật trên trang thông tin của Cục.

Thể chế tài chính và hệ thống chính sách luật pháp chưa hoàn thiện, hay thay đổi và phần nào ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Tùy từng ngành, lĩnh vực cụ thể Chính phủ cũng có những ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho các nhà đầu tư ra nước ngoài như bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ thông tin.

Về tiêu chuẩn, các nhà đầu tư phải tuân thủ pháp luật của Việt Nam cũng như pháp luật của nước sở tại và các hiệp định song phương, đa phương có liên quan.

Câu hỏi: Ông Nguyễn Huy Hoàng - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Phát triển bền vững hiện là vấn đề sống còn đối với sự phát triển trong tương lai. Bên cạnh những chính sách bền vững, chúng ta lại xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế và hạ tầng không tương ứng và thậm chí ở mặt nào đó còn xung đột với các kế hoạch phát triển bền vững như trồng cây cao su thay thế cho rừng, phát triển các thủy điện trên sông Vây làm thế nào để đảm bảo mục tiêu bền vững? Lấy ví dụ về kế hoạch trồng cây cao su ở Tây Nguyên, kế hoạch này sẽ làm xói mòn đất, vậy Chính phủ có kế hoạch gì để phát triển bền vững khi dự án trồng cao su kết thúc?

Tam giác Phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam có vị trí địa chính trị quan trọng nhưng đầu tư hiện chưa tương xứng với tiềm năng. Khu vực này còn nghèo và thiếu động lực phát triển như lực lượng lao động có kỹ năng và cơ sở hạ tầng. Vậy ở cấp Chính phủ có những chính sách và giải pháp nào cho thu hút vốn đầu tư để phát triển khu vực này? Ông Hoàng cũng lo ngại liệu có còn đủ nguồn nguyên liệu cung cấp cho các việc phát triển các ngành ở khu vực này không?

Phản hồi: TS Cao Văn Bản – VILACAED

Đồng ý với những bình luận của ông Nguyễn Huy Hoàng về những rào cản trong thu hút đầu tư trong khu vực Tam giác Phát triển. Tuy nhiên, ông Bản cho rằng nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho đầu tư phát triển vẫn còn đủ trong 10-15 năm tới.

Câu hỏi: Giáo sư Phạm Duy Hiên – Cục Kiểm soát và an toàn bức xạ, hạt nhân

Việt Nam tiêu thụ quá nhiều năng lượng, khoảng 2,1% điện để tăng trưởng 1% GDP. Vậy chúng ta có chính sách, tiêu chuẩn gì cho nhà đầu tư nước ngoài trong việc sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng của Việt Nam trong quá trình đầu tư phát triển?

Mặc dù Việt Nam đã hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, nhưng không có hàng hóa đặc biệt nào của Việt Nam tham gia được vào chuỗi cung ứng toàn cầu ví dụ như thương hiệu Samsung của Hàn Quốc. Vậy Chính phủ có chính sách gì để qua đầu tư nước ngoài Việt Nam có được công nghệ và sản xuất được hàng hóa của riêng mình?

Câu hỏi: Ông Dương Thanh Tùng – Báo Thanh tra Chính phủ

Đề nghị GS. Nguyễn Mại giải thích thêm về kết luận “Nông nghiệp là cứu cánh cho nền kinh tế Việt Nam”. Ngoài ra, Theo ngôn ngữ của báo chí thì sân golf là “thảm họa” của Việt Nam. Vậy theo quan điểm của GS thì đâu là lợi ích kinh tế và mặt trái của sân golf ở Việt Nam và mật độ sân golf ở Việt Nam bao nhiêu thì phù hợp?

Phản hồi: Giáo sư Nguyễn Mại

Sau tổng kết 25 năm thu hút đầu tư Chính phủ sắp ban hành quy định mới về đầu tư, đặc biệt là phát triển tiết kiệm năng lượng. Những bài học kinh nghiệm cần nghiên cứu về đầu tư công nghệ cao như trường hợp của Samsung cần được xem xét, đánh giá.

An ninh lương thực là vấn đề lớn đối với mọi quốc gia, vì vậy, Việt Nam với nền nông nghiệp đa dạng và ngày càng trở thành một trong những quốc gia hàng đầu trong việc xuất khẩu lương thực chứ không chỉ dừng lại ở đảm bảo an toàn an ninh lương thực. Nông nghiệp còn giúp giải quyết vấn đề nông thôn và nông dân. Do đó, nông nghiệp được coi là “cứu cánh” cho nền kinh tế, nhất là trong những giai đoạn khủng hoảng kinh tế.

Sân golf là một trong những điều kiện đáp ứng nhu cầu giải trí của các nhà đầu tư quốc tế. Cùng với sự phát triển của đầu tư quốc tế, golf cũng được phát triển theo. Tuy nhiên, phát triển sân golf cần được quản lý và xem xét thận trọng bằng các quy hoạch toàn diện để giảm thiểu những tác động tiêu cực. Theo kế hoạch đến năm 2020, Việt Nam sẽ phát triển 59 sân golf trên toàn quốc.

Phần II – Tác động môi trường và xã hội từ hoạt động đầu tư của Việt Nam.

2.1. Sự tham gia của Việt Nam trong phát triển thủy điện lưu vực sông Mê Kông

Ông Nguyễn Nhân Quảng, Trung tâm Quản lý Tổng hợp Tài nguyên nước (CIWAREM)

Sông Mê Kông có tiềm năng lớn về thủy điện với tổng công suất lắp là 23.000 MW ở vùng thượng lưu và 30.900 MW ở vùng hạ lưu. Ở vùng thượng lưu, Trung Quốc đã và đang xây dựng tới 8 đập thủy điện. Trong khi đó ở hạ lưu, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam cũng đầu tư xây dựng hầu hết các đập thủy điện trên hệ thống dòng nhánh của sông Mê Kông Chính phủ Lào và Campuchia hiện đang bắt đầu phát triển các dự án thủy điện trên dòng chính của sông Mê Kông, bao gồm cả dự án Xayaburi gây nhiều tranh cãi. Kế hoạch xây dựng các đập thủy điện sẽ gây những ảnh hưởng nghiêm trọng cho Việt Nam, quốc gia nằm ở vị trí cuối cùng trong hạ lưu sông Mê Kông

Việt Nam đã phát triển hầu hết các đập thủy điện trên dòng nhánh Sesan và Serepok thuộc phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam còn tham gia đầu tư xây dựng các đập thủy điện ở Lào và Campuchia. Các doanh nghiệp Việt Nam tham gia đầu tư các dự án thủy điện trên lưu vực sông Mê Kông gồm Công ty cổ phần điện quốc tế - EVNI, Tổng công ty Điện lực Dầu khí (thuộc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam), Công ty Cổ phần Điện Việt-Lào (thuộc Tổng Công ty sông Đà), Công ty Cổ phần Khai khoáng Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Linh Linh JFC, Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn và một số doanh nghiệp tư nhân khác. Bên cạnh những mặt tích cực của đầu tư như tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực, tăng nguồn cấp điện và tạo công ăn việc làm, các dự án thủy điện cũng gây nhiều tác động tiêu cực về mặt môi trường và xã hội. Các vấn đề như tham vấn cộng đồng chưa được thực hiện thấu đáo, ĐTM còn phiến diện và chưa hoàn toàn tuân thủ quy định, quan hệ quốc tế bị ảnh hưởng.

Diễn giả cũng cập nhật thông tin về tiến trình thực thi dự án thủy điện Hạ Sê san II. ENVI đã thực hiện hầu hết các hoạt động khảo sát, nghiên cứu khả thi và đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, hiện nay Trung Quốc đã trở thành nhà đầu tư chính cho dự án Hạ Sesan II.

Việc tham gia đầu tư xây dựng thủy điện ở lưu vực sông Mê Kông có thể đưa Việt Nam vào hoàn cảnh lợi bất cập hại “há miệng mắc quai” trong bối cảnh chính Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam sẽ là nơi chịu tác động nặng nề nhất từ các dự án phát triển thủy điện trong lưu vực. Các đề xuất đưa ra là Việt Nam nên cân nhắc kỹ trước khi thực hiện các dự án đầu tư ở lưu vực sông Mê Kông và tăng cường quản lý hoạt động đầu tư và vận hành các dự án thủy điện trên lưu vực sông Mê Kông

2.2. Phát triển thủy điện ở lưu vực sông 3S và tác động với cộng đồng,

Ông Meach Mean, Mạng lưới bảo vệ lưu vực sông 3S

Bài trình bày tập trung đề cập những tác động môi trường và xã hội từ các dự án thủy điện trên lưu vực sông 3S (gồm sông Sekong, Sesan và Serepok).

Việc phát triển thủy điện thượng nguồn sông Sesan thuộc lãnh thổ Việt Nam gây một số tác động không mong muốn đối với cộng đồng hạ nguồn ở Campuchia. Theo phản ánh của cộng đồng, mực nước trên dòng sông hay thay đổi bất thường và mùa mưa và mùa khô sau khi xây dựng hệ thống đập thủy điện. Ảnh hưởng của bão lũ cũng trở nên nghiêm trọng hơn. Năm 2009, cơ bão Ketsana đã gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản cho cộng đồng dân cư ở

xã Tea Vang, gần biên giới Việt Nam – Campuchia. Nguồn lợi thủy sản cũng bị cạn kiệt gây nhiều khó khăn cho cộng đồng về nguồn thực phẩm và thu nhập. Chất lượng nước suy giảm gây nhiều vấn đề về sức khỏe cho cộng đồng địa phương.

Ngoài ra, Campuchia cũng đã lên kế hoạch xây dựng các đập thủy điện hạ nguồn sông Sesan và Serepok với sự tham gia đầu tư của một số doanh nghiệp Trung Quốc và Việt Nam. Diễn giả cũng lấy ví dụ điển hình từ dự án thủy điện Hạ Sesan II. Sau khi xây dựng, dự án thủy điện này sẽ làm ngập 7 ngôi làng ở tỉnh Stung Treng. Khoảng 1.052 hộ với 4.574 nhân khẩu sẽ phải di dời. Ngoài ra, đập thủy điện Hạ Sesan II sẽ chặn luồng di cư quan trọng của cá trên 2 dòng sông Sesan và Serepok. Theo ước tính, ít nhất 38.675 người ở 87 ngôi làng sẽ mất nguồn lợi từ cá.

Tác động tiềm ẩn tới ngành thủy sản khu vực có thể là (i) thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế và sinh kế của hàng triệu người và (ii) ảnh hưởng tới an ninh lương thực và dinh dưỡng cùng các vấn đề sức khỏe khác. Trong khi hiệu quả kinh tế của con đập còn chưa chắc chắn thì tình trạng khô hạn lại đang gia tăng bởi hoạt động của các con đập ở thượng nguồn. Mặt khác, điện được xuất khẩu sang Việt Nam không mang lại nhiều lợi ích cho người dân địa phương.

Diễn giả khẳng định tác động của các dự án thủy điện và bày tỏ mối quan tâm sâu sắc đến việc triển khai kế hoạch xây dựng các đập thủy điện dự kiến khác trên lưu vực sông 3S cũng như ở hạ lưu sông Mê Kông Theo đó, diễn giả cũng đã trình bày nguyện vọng của cộng đồng sông 3S về vấn đề phát triển thủy điện : (i) Không đồng tình xây đập thủy điện trên khu vực 3S, (ii) Hệ thống thông tin phải được thiết lập hiệu quả; (iii) Đền bù toàn bộ các thiệt hại và tổn thất; (iv) Tất cả dự án được đề xuất phải có EIA hoàn chỉnh; (v) Đảm bảo an toàn cho tất cả các cộng đồng hạ nguồn; (vi) Nghiên cứu các nguồn năng lượng thay thế thủy điện và (vii) Các bên liên quan tuân thủ hướng dẫn của Ủy ban Đập lớn Thế giới (WCD) cùng các quy định pháp luật khác.

2.3. Đầu tư của Việt Nam trong việc xây dựng các đập thủy điện trên sông Xekaman, Lào: Các vấn đề cần được xem xét ở khía cạnh môi trường và xã hội,

Bà Tania Lee, Tổ chức Sông ngòi Thế giới

Dựa trên kết quả nghiên cứu, bà Tania Lee bày tỏ quan ngại về những vấn đề môi trường và xã hội từ những hoạt động đầu tư của Việt Nam trong việc phát triển thủy điện trên sông Xekaman. Trong lưu vực sông Xekong, có hơn 17 đập được quy hoạch xây dựng, bao gồm cả những vị trí thuộc khu bảo tồn. Trung tâm của quy hoạch trên là dự án đường dây tải điện Việt – Lào, được xây dựng với mục đích kết nối hơn 8 đập thủy điện trên sông Xê Kông và Xê Kaman. Hầu hết các đập này đều do Việt Nam đóng góp đầu tư và điện năng sẽ được xuất khẩu sang Việt Nam. Công ty Cổ phần Điện lực Việt – Lào thuộc tập đoàn Sông Đà là một trong những đơn vị chính triển khai xây dựng các đập thủy điện trên sông Xekong.

Dự án thủy điện Xekaman 1 hiện đang được triển khai xây dựng ở tỉnh Attapeu - Lào. Để phục vụ việc phát triển dự án, hai ngôi làng dân tộc thiểu số sẽ phải di dời. Người dân trong hai ngôi làng nghe rằng họ sẽ được chuyển đến đến khu vực tái định cư và làm công nhân cho nông trường cao su. Tuy nhiên, cho đến nay người dân trong làng vẫn chưa được cung cấp thông tin chính thức và rõ ràng. Ngoài ra, người dân cũng không được đền bù một cách thỏa đáng cho các thiệt hại liên quan đến sản xuất nông nghiệp do hoạt động xây dựng dự án gây ra. Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và Kế hoạch tái định cư (TĐC) cũng không được công bố rộng rãi theo các quy định hiện hành của Lào.

Dự án Xekaman 3 đang được xây dựng ở tỉnh Sekong cũng có những vấn đề tương tự về

tính minh bạch của ĐTM và kế hoạch TĐC. Người dân cũng không được đền bù cho các thiệt hại liên quan đến đất đai. Theo phản ánh của cộng đồng, nguồn cá tự nhiên đã bị suy giảm tới 90 – 95%. Hiện tại, người dân không thể phụ thuộc nguồn cá tự nhiên để làm nguồn thu nhập và thực phẩm. Diễn giả lo ngại nếu Tập đoàn Sông Đà tiếp tục xây dựng đập thủy điện Xekaman 4, 5 và 6 như kế hoạch thì cộng đồng địa phương và môi trường sẽ ngày càng bị ảnh hưởng.

Kết thúc bài báo cáo tham luận, bà Tania Lee đề xuất một số kiến nghị với nhà đầu tư Việt Nam khi thực hiện các dự án tại Lào. Nhà đầu tư phải đánh giá tác động môi trường, bồi thường thiệt hại và thực hiện công tác tái định cư theo luật pháp Lào. Bà Tania Lee cũng kiến nghị việc xây dựng các tiêu chuẩn an toàn về môi trường và xã hội cho các nhà đầu tư xây đập ở Lào (thống nhất với tiêu chuẩn của ADB và WB). Ngoài ra, việc xây dựng các đập lớn, đặc biệt trên sông xuyên biên giới, cần được xem xét lại nhằm hạn chế các tác động tiêu cực quá lớn.

2.4. Đầu tư của Việt Nam vào Lào qua góc nhìn của thương mại gỗ.

TS. Tô Xuân Phúc, Tổ chức Forest Trends

Diễn giả đã phân tích mối quan hệ giữa hoạt động đầu tư, nhập khẩu gỗ thương mại từ Lào về Việt Nam và các tác động của hoạt động này.

Việt Nam là nhà đầu tư lớn thứ 3 tại Lào với 206 dự án và 3,3 tỷ USD vốn đăng ký. Việt Nam đã tập trung đẩy mạnh đầu tư ở Lào vì nhiều lý do như Lào là quốc gia giàu tài nguyên thiên nhiên; Việt Nam và Lào có mối quan hệ truyền thống từ thời chiến tranh; 20 tỉnh của Việt Nam và Lào cùng chung 2067 km đường biên giới. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy hoạt động đầu tư và thương mại giữa hai quốc gia.

Về vấn đề thương mại gỗ, các nguồn gốc chính của gỗ nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam gồm: (i) Tận thu từ các dự án thủy điện, khai khoáng và chuyển đổi rừng; (ii) Khai thác theo sự cho phép của chính phủ Lào và (iii) Các nguồn khác. Kim ngạch nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ từ Lào vào Việt Nam tăng đều hàng năm từ 248,5 triệu USD (năm 2009) lên 291,5 triệu USD (năm 2010) và 460 triệu USD (năm 2011). Kim ngạch nhập khẩu gỗ chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ Lào (38,6% năm 2009; 62,7% năm 2010 và 68,2% năm 2011)

Bờ Y và Lao Bảo là hai cửa khẩu nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ chính từ Lào vào Việt Nam. Trong năm 2012, chỉ theo số liệu khai báo, Việt Nam đã nhập khẩu 194.224,39 m³ gỗ tương ứng với 41,8 triệu USD từ Lào qua cửa khẩu Bờ Y. Các loài gỗ nhập khẩu chính gồm gỗ Gáo, Dầu, Sến, Chò Chỉ và gỗ Hương. Cũng trong năm 2012, Việt Nam đã nhập khẩu 114.190 m³ gỗ tương ứng với 133,6 triệu USD qua cửa khẩu Lao Bảo (số liệu khai báo).

Từ hiện trạng của đầu tư Việt Nam theo góc nhìn thương mại gỗ, diễn giả bày tỏ mối quan ngại sâu sắc về những ảnh hưởng không mong muốn của hoạt động thương mại gỗ đối với Việt Nam và Lào. Là nhà xuất khẩu, Lào đang phải đối mặt với sự suy giảm tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, các tác động tiêu cực đối với sinh kế cộng đồng, các vấn đề liên quan đến tham nhũng và khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên. Về phía Việt Nam, việc nhập khẩu gỗ có nguồn gốc từ những dự án chuyển đổi rừng, khai khoáng hay thủy điện sẽ ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh của Việt Nam trên thị trường quốc tế cũng như chất lượng đầu tư của Việt Nam. Ngoài ra, việc nhập khẩu gỗ có nguồn gốc không rõ ràng có thể ảnh hưởng đến một số cam kết quốc tế liên quan đến quản trị rừng như REDD+ hay FLEGT, và qua đó sẽ tác động không tốt đến ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam.

2.5. Đầu tư đất quy mô lớn ở Campuchia: Cơ chế và tác động

Ông Siphath Touch, Chuyên gia nghiên cứu độc lập

Đầu tư đất quy mô lớn ở Campuchia được thực hiện dưới dạng chuyển nhượng đất vì mục đích kinh tế (ELC). Việc chuyển nhượng đất bắt đầu từ những năm 1990 với việc tư hữu hóa hơn 30 khu rừng với khoảng 6,5 triệu ha. Tuy nhiên, hoạt động chuyển nhượng đất vì mục đích kinh tế thật sự bùng nổ từ 2005 sau khi Nghị định phụ 146 được ban hành. Tính đến tháng 3/2012, chính phủ Campuchia đã cấp khoảng 2 triệu ha đất chuyển nhượng vì mục đích kinh tế (tương đương với khoảng 53% diện tích đất có thể canh tác). Cùng với việc tăng diện tích ELC được cấp, hàng loạt các vụ việc cưỡng chế thu hồi, tranh chấp đất đai và các cuộc xung đột bạo lực cũng tăng mạnh trong thời gian gần đây. Chỉ riêng trong năm 2010, 282 trường hợp tranh chấp đất đai được ghi nhận bởi Diễn đàn các Tổ chức phi Chính phủ. Theo ước tính, hơn 220.000 người bị ảnh hưởng bởi thu hồi và tranh chấp đất đai.

Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Kratie, diễn giả đã phân tích cơ chế chuyển nhượng đất vì mục đích kinh tế và các bất cập của chính sách pháp luật. Trong địa bàn tỉnh, phần lớn các ELCs quy mô lớn do các nhà đầu tư nước ngoài thuê (chủ yếu là Việt Nam và Trung Quốc) trong thời gian 70 năm. Trong khi đó, hầu hết ELCs quy mô nhỏ đã được giao cho các doanh nhân Campuchia. Mặc dù Luật đất đai nghiêm cấm việc giao đất vượt quá 10.000 ha, các nhà đầu tư đã lập nhiều công ty khác nhau để hợp thức hóa phần diện tích vượt quá giới hạn này.

Quá trình cấp chuyển nhượng đất vì mục đích thương mại thiếu tính minh bạch, sự tham gia của người dân địa phương và đánh giá tác động môi trường - xã hội. Đây cũng là những lỗ hổng để các nhà đầu tư lợi dụng dành quyền sử dụng đất với quy mô lớn. Đầu tư đất trên quy mô lớn ảnh hưởng đáng kể đến sinh kế của người dân địa phương, đặc biệt những người sống phụ thuộc vào rừng và đất canh tác. Do đó, sự phản kháng của người dân địa phương là điều không thể tránh khỏi. Họ tiến hành một số chiến lược phản kháng như cố tình chặn đường, đáp trả bằng quân sự, nộp đơn khiếu nại, tẩy chay việc lao động cho các đồn điền hoặc thực hiện các hành vi cô lập phá hoại.

Một ví dụ điển hình, năm 2008, làng Lar Or tại tỉnh Kratie đã mất 3.600 ha vào tay một chủ đồn điền Khmer khi Nhà nước thực hiện chuyển nhượng đất vì mục đích kinh tế. Tiếp theo, năm 2011, một nhà đầu tư Việt Nam cũng xác định ranh giới 3,900 ha đất chuyển nhượng. Diện tích này bao gồm toàn bộ diện tích rừng cộng đồng, khu vực văn hóa với một số ngôi đền cổ của dân làng. Người dân địa phương đã kháng nghị và yêu cầu chủ đồn điền Khmer dịch chuyển ranh giới phía Tây của vùng đất chuyển nhượng ra xa khu làng. Yêu cầu này thành công một phần khi chủ đồn điền đồng ý dịch chuyển ranh giới phía Tây xa làng hơn 1,500 m. Tuy nhiên, những kiến nghị với chủ đồn điền Việt Nam lại không thành công.

Trái với sự bùng nổ trong việc chuyển nhượng đất vì mục đích kinh tế, chuyển nhượng đất vì mục đích xã hội (SLC) lại được thực hiện rất chậm. Mục tiêu của SLC là cấp đất thuộc sở hữu nhà nước cho những hộ gia đình hoặc cộng đồng thiếu đất, đặc biệt phục vụ cho mục đích tái định cư. Chỉ có 6.850 ha đất được cấp cho 1.614 “người nhận đất đúng tiêu chí” tính đến tháng 9/2011. Trong khi đó, 2 triệu ha đất đã được chuyển nhượng cho mục đích kinh tế.

Kết thúc bài tham luận của mình, diễn giả bày tỏ những quan ngại về vấn đề tham nhũng của những người đứng đầu, sự tước đoạt tài sản của cộng đồng địa phương, tình trạng người dân không còn đất canh tác và xung đột xã hội ngày càng gia tăng. Việc chuyển nhượng đất vẫn được thực hiện với đại diện của những quốc gia có quyền lực trong khu vực (như Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia, Việt Nam). Các hứa hẹn về lợi ích của việc đầu tư

đất (như tạo việc làm, phát triển nông thôn) của các chủ đầu tư ít được thực hiện.

2.6. Cạnh tranh đầu tư khai thác tài nguyên trong khu vực Mê Kông và những hệ lụy

Ông Pen Ratana, Heinrich Böll Stiftung Campuchia

Diễn giả đã trình bày tổng thể về tình hình đầu tư trong lĩnh vực khai thác tài nguyên ở hạ lưu vực Mê Kông và đưa ra cảnh báo về ảo tưởng phát triển thông qua loại hình đầu tư này. Hiện nay, dòng vốn FDI chảy vào các lĩnh vực nông nghiệp, khai khoáng và sản xuất điện ở Lào và Campuchia không chỉ đến từ Việt Nam mà còn từ các quốc gia khác như Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Pháp, Malaysia, Nhật Bản, Ấn Độ, Singapore và Mỹ. Cuộc cạnh tranh giữa những quốc gia trong lĩnh vực khai thác tài nguyên ở hạ lưu vực sông Mê Kông ngày càng trở nên khốc liệt.

Diễn giả cũng nhấn mạnh các tác động không mong muốn của FDI thông qua những bằng chứng về tranh chấp đất đai tại Campuchia. Hơn 2,1 triệu ha đất đã được chuyển nhượng vì mục tiêu phát triển kinh tế ở Campuchia. Việc chuyển nhượng này đã làm cho 400.000 - 700.000 người bị mất đất. Lợi nhuận từ các cuộc chuyển nhượng đất thuộc về những người đứng đầu có mối quan hệ với các thành viên cao cấp của Chính phủ. Diễn giả cũng phơi bày ảo tưởng về sự phát triển kinh tế xã hội từ các dự án chuyển nhượng đất. Việc sử dụng lợi nhuận từ các dự án chuyển đổi đất để phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội địa phương chưa từng được ghi nhận. Bên cạnh đó, người dân địa phương còn phải gánh chịu nhiều tác động tiêu cực như môi trường bị suy thoái, giá trị văn hóa bản địa bị mai một, khoảng cách giàu nghèo gia tăng và việc tiếp cận với nguồn nước sạch trở nên khó khăn hơn.

Người nông dân canh tác quy mô nhỏ, phụ thuộc vào đất đai và tài nguyên thiên nhiên chiếm phần lớn dân số ở Campuchia. Tuy nhiên, đất đai của họ lại đang mất dần vào tay những nhà đầu tư lớn. Vậy đâu là lựa chọn thay thế cho những người dân nghèo? Những dự án đầu tư đất đai có ảnh hưởng như thế nào đối với các mục tiêu xóa đói giảm nghèo? Hầu hết những ngành đầu tư ở các nước hạ lưu sông Mê Kông tập trung vào khai thác tài nguyên thiên nhiên và tận dụng nhân công giá rẻ. Như vậy, nước chủ nhà đóng vai trò gì trong quá trình phát triển? Diễn giả cũng bày tỏ quan ngại trong hiện thực hiện đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin trong các dự án phát triển. Những vấn đề đặt ra cho thấy cần xem xét và đánh giá kỹ các khía cạnh môi trường và xã hội xung quanh chiến lược thu hút FDI, đặc biệt FDI trong lĩnh vực khai thác tài nguyên ở hạ lưu vực sông Mê Kông

2.7. Thảo luận

Câu hỏi: Bà Nguyễn Đào Ngọc Vân – WWF Việt Nam

VN tham gia đầu tư vào khu vực Campuchia và Lào rất nhiều. Vậy VN có cơ chế chính sách nào để kiểm soát những mặt tiêu cực của việc đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài? Đây là cơ chế kiểm toán đầu tư môi trường trong khu vực Mê Kông? Việt Nam có danh mục các công ty đầu tư vào khu vực Mê Kông chưa? Có sự phân loại nhà đầu tư tốt, nhà đầu tư vi phạm, có cơ chế nào đối với nhà đầu tư vi phạm?

Sự phát triển về cơ sở hạ tầng trong Tam giác Phát triển cũng tăng khả năng tiếp cận với các khu rừng đặc dụng, tạo điều kiện cho việc vận chuyển, buôn bán động vật hoang dã và gỗ dễ dàng hơn. Vậy Chính phủ 3 nước có cơ chế chính sách hay biện pháp nào để ngăn chặn việc buôn bán lậu ĐVHD và lâm sản trong khu vực Tam giác Phát triển?

Phản hồi: Ông Nguyễn Cao Cường – Tạp chí Đầu tư Nước ngoài

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có danh mục tất cả các dự án đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, dữ liệu cập nhật đến hết 31/12/2012. Bộ cũng đang triển khai rà soát hoạt động đầu tư của VN ra nước ngoài, sẽ có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các quốc gia để giám sát hoạt động đầu tư này.

Ông Trịnh Lê Nguyên bổ sung số liệu trên trang web của Bộ đã cập nhật đến 30/04/2013.

Câu hỏi: Ông Nguyễn Trí Thanh – Quý Châu Á

Việt Nam và Cam có quan điểm giống nhau về vấn đề sở hữu và chuyển nhượng đất đai. Vậy đâu là vai trò của Chính phủ và các bên liên quan trong việc bảo vệ quyền lợi cho người dân mất đất?

Phản hồi: Ông Ratana Pen

Campuchia đã đưa ra rất nhiều chính sách đưa ra các quy định về giao đất cho các chủ đầu tư, khuôn khổ đầu tư đã có nhưng việc thực thi lại chưa tốt. Số lượng và năng lực của các nhân viên thực thi trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư đều bị hạn chế. Tham vấn, trao đổi thông tin với người dân cũng được thực hiện nhưng chưa đủ và chưa bao quát hết những người bị ảnh hưởng bởi chuyển nhượng đất. Chính phủ quan tâm đến nhà đầu tư hơn là thực sự quan tâm đến người dân.

Ông Yadana – Myanmar

Cách thức nào để quản lý các hoạt động đầu tư ra nước ngoài và những biện pháp xử lý đối với những nhà đầu tư vi phạm?

Ông Eang Vuthy – Campuchia

Qua các bài tham luận tại diễn đàn, một thực tế đang diễn ra là những vấn đề như đánh giá tác động môi trường, chính sách bồi thường và tái định cư xảy ra ở nhiều khu vực thực hiện các dự án đầu tư, không chỉ ở Campuchia hay Lào. Các cơ quan chức năng địa phương và người dân đều không được cung cấp thông tin trước, ví dụ như Dự án Hạ Sesan II. Vậy làm thế nào để giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với cộng đồng bằng cách thu hút sự tham gia của các cơ quan có liên quan, khu vực tư nhân và cả ADB?

Ông Christoph Schill – EuCham

Các công ty EU khi đầu tư luôn thực hiện những trách nhiệm xã hội khi thực hiện đầu tư. Ngoài ra, các công ty EU còn phải tuân thủ các quy định của Chính phủ quốc gia họ khi thực hiện đầu tư. Tuy nhiên, những tác động tiêu cực vẫn diễn ra như các diễn giả nêu trong các bài tham luận. Vậy có vấn đề tham nhũng, bắt tay ngầm giữa các Chính phủ có phải là nguyên nhân của những tác động tiêu cực này?

Phần III – Quản lý tốt hơn hoạt động đầu tư ra nước ngoài

3.1. Tuyên bố Chính sách An toàn của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

Ông Nguyễn Duy Thắng và ông Phạm Quang Phúc - ADB

Ông Nguyễn Duy Thắng giới thiệu về Tuyên bố Chính sách An toàn của ADB áp dụng cho các dự án nhận vốn của ADB và những thách thức trong việc thực thi. Mục tiêu của chính sách an toàn là tránh, giảm thiểu và giảm nhẹ các tác động tiêu cực của hoạt động đầu tư đối với môi trường và xã hội. Trong trường hợp không thể tránh được tác động tiêu cực, nhà đầu tư cần thực hiện bồi thường cho đối tượng chịu ảnh hưởng. Chính sách này cũng nhằm giúp khách hàng phát triển khả năng quản lý các rủi ro về môi trường – xã hội.

Thách thức lớn nhất trong việc thực thi chính sách an toàn của ADB là khoảng cách với pháp luật quốc gia. Ví dụ, theo quy định của ADB, đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện ngay khi có những ý tưởng ban đầu về dự án. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành của Việt Nam, nhà đầu tư chỉ phải nộp báo cáo đánh giá tác động môi trường khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt dự án. Sự khác nhau giữa chính sách an toàn của ADB và quy định của chính phủ Việt Nam đang dần được cải thiện thông qua quá trình đàm phán và gây sức ép với tư cách là nhà tài trợ.

3.2. Khuyến khích đầu tư bền vững và cơ hội cho các doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam

Ông Christoph Schill, Phòng Thương mại Châu Âu (EuroCham)

Trong bài thuyết trình, ông Christoph Schill đã đưa ra một bức tranh toàn cảnh về mối quan hệ thương mại giữa Liên minh Châu Âu (EU) và Việt Nam. Việt Nam là một điểm đến hấp dẫn cho các công ty Châu Âu vì thị trường lao động và tiêu dùng rộng lớn. Châu Âu hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Theo số liệu của EU, kim ngạch nhập khẩu của Châu Âu từ Việt Nam đã tăng từ 7,8 tỷ USD (năm 2009) lên 9,6 tỷ USD (năm 2010) và 12,8 tỷ USD (năm 2011). Trong khi đó kim ngạch xuất khẩu từ EU sang Việt Nam tăng lần lượt từ 3,8 lên 4,7 và 5,2 tỷ USD tương ứng trong các năm từ 2009 đến 2011. Do đó, Việt Nam đang là nước xuất siêu trong mối quan hệ thương mại với EU. Trong năm 2011, EU đã đầu tư 1,767 tỷ USD vào Việt Nam. Tiến trình đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa châu Âu và Việt Nam đang tiến triển, được kỳ vọng sẽ tạo động lực mới cho dòng vốn FDI từ Châu Âu chảy vào Việt Nam trong tương lai gần.

Việt Nam đang xây dựng chính sách thu hút vốn FDI có chất lượng nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Chính sách này sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp Châu Âu vốn có nhiều thế mạnh về công nghệ và kinh nghiệm kinh doanh. Các lĩnh vực đầu tư chính của doanh nghiệp châu Âu ở Việt Nam gồm năng lượng tái tạo, xử lý chất thải, y tế, dịch vụ, giáo dục, xây dựng cơ sở hạ tầng và cung cấp năng lượng. Với tầm nhìn của Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015, một thị trường chung với 556 triệu dân và tổng sản phẩm quốc dân (GDP) kết hợp lên tới trên 1,17 nghìn tỷ USD, không chỉ Việt Nam mà cả Asean sẽ là điểm đến hấp dẫn của các doanh nghiệp Châu Âu. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc đảm bảo phục hồi kinh tế và phát triển bền vững. Việt Nam cần xem xét điều chỉnh các yếu tố phức tạp mang tính xuyên biên giới, làm rõ các quy định mập mờ và quản lý tốt vấn đề an ninh.

3.3. Nguyên tắc Xích đạo và các chuẩn mực tự nguyện trong quản lý đầu tư

Ông Trịnh Lê Nguyên, Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)

Trong bài thuyết trình, ông Trịnh Lê Nguyên giới thiệu về Nguyên tắc Xích đạo, một số chuẩn mực tự nguyện và sáng kiến nhằm hạn chế những tác động môi trường và xã hội trong quá trình đầu tư dự án.

Nguyên tắc Xích đạo (Equator Principles - EP) là khung xác định, đánh giá, quản lý các rủi ro về môi trường và xã hội trong quá trình cho vay vốn dự án. EP được xây dựng dựa trên các chuẩn mực của Tổ chức Tài chính Quốc tế (International Finance Cooperation – IFC) và hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới (World Bank – WB). Hiện nay, có 77 tổ chức tài chính từ 32 quốc gia tự nguyện tham gia nguyên tắc này như ANZ, Citigroup, HSBC, KfW và Standard Chartered PLC. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có ngân hàng hay tổ chức tài chính nào của Việt Nam tham gia nguyên tắc này.

Hiệp ước Toàn cầu (UN Global Compact) được phát động bởi Tổng Thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan từ năm 2000 nhằm khuyến khích khối tư nhân trong việc giải quyết các thách thức của sự phát triển. Hiệp ước Toàn Cầu đã quy định một số vấn đề cơ bản gồm nhân quyền (2 nguyên tắc), lao động (4 nguyên tắc), môi trường (3 nguyên tắc) và chống tham nhũng (1 nguyên tắc). Tại Việt Nam, Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng Liên hợp quốc tại Việt Nam thành lập năm 2007. Mạng lưới có sự tham gia của 95 doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, tổ chức chính phủ, trường đại học và các học viện.

Sáng kiến Minh bạch trong ngành công nghiệp khai thác là chuẩn mực toàn cầu nhằm thúc đẩy minh bạch nguồn thu từ công nghiệp khai thác. Hiện có 37 quốc gia thực thi EITI. Hơn 70 tập đoàn dầu mỏ và khoáng sản lớn nhất thế giới cũng tham gia sáng kiến này. Việt Nam hiện đang nghiên cứu, tìm hiểu về khả năng áp dụng sáng kiến EITI.

Sáng kiến Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm là mạng lưới các nhà đầu tư cam kết hướng đến xây dựng hệ thống tài chính toàn cầu bền vững. Sáu nguyên tắc của sáng kiến tập trung chủ yếu vào các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị vào quá trình đầu tư. Hiện có khoảng 1.200 bên tham gia Sáng kiến với tổng giá trị tài sản quản lý gần 35 nghìn tỷ USD.

Sáng kiến Tài chính là chương trình đối tác toàn cầu giữa UNEP và ngành tài chính. Chương trình có sự tham gia của hơn 200 tổ chức gồm ngân hàng, bảo hiểm và quản lý quỹ. Sáng kiến Tài chính ghi nhận vai trò của khu vực dịch vụ tài chính trong phát triển bền vững, cam kết cân nhắc các khía cạnh môi trường và xã hội trong tất cả các hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, hiện chưa có tổ chức tài chính, ngân hàng nào của Việt Nam tham gia.

Hiện nay, có nhiều công cụ và sáng kiến quốc tế có thể áp dụng để kiểm soát những tác động môi trường và xã hội của dự án ODI. Tuy nhiên, chưa có nhiều quốc gia và nhà đầu tư áp dụng các công cụ và sáng kiến này khi thực hiện các dự án ODI ở lưu vực sông Mê Kông Trung Quốc và Việt Nam có thể coi là 2 ví dụ điển hình. Trung Quốc mới ban hành “Hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hợp tác và đầu tư nước ngoài” ngày 18/02/2013, nhưng chỉ mang tính chất khuyến khích. Trong khi đó, Việt Nam hiện chưa có các hướng dẫn, chuẩn mực cụ thể về môi trường – xã hội cho hoạt động đầu tư nước ngoài. Dựa trên nghiên cứu của PanNature, nhiều ngân hàng, nhà đầu tư đã có tìm hiểu về các hệ thống chuẩn mực môi trường – xã hội nhưng chưa có hành động cụ thể để áp dụng. Sacombank là ngân hàng đầu tiên có áp dụng chuẩn mực môi trường – xã hội (Hệ thống quản lý trách nhiệm với môi trường và xã hội -ESMS) nhằm tăng cường quản lý các tác động xã hội – môi trường thông qua việc cho vay tín dụng đối với khách hàng. Câu hỏi được đặt ra là có nên nghiên cứu xây dựng các chuẩn mực, chính sách về môi trường – xã hội cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh nhận thức của người dân địa phương và nước chủ quản về chất lượng ODI ngày càng tăng?

Phần IV – Đối thoại chính sách

Ông Eang Vuthy, Giám đốc Tổ chức Equitable Cambodia

Hệ thống chính sách pháp luật chưa hoàn thiện là một những nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém trong việc thực thi pháp luật. Hơn nữa, việc thiếu kỹ năng trong quản lý các hoạt động đầu tư đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự cân bằng sinh thái và sinh kế của người dân bản địa. Ví dụ về một dự án 2 tỷ USD của nhà đầu tư Trung Quốc tại thủ đô Phnom Penh, ông Eang Vuthy chia sẻ rằng đánh giá tác động môi trường, nguyên tắc đồng thuận dựa trên sự tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin đã không được thực hiện theo quy định của pháp luật trong suốt quá trình thực hiện và phê duyệt dự án. Kế hoạch tái định cư cũng không phù hợp và thỏa đáng. Do đó, dự án đến nay vẫn chưa thực hiện được do sự phản kháng của người dân.

Ông Yadana (Than Htaik), Giám đốc Quỹ Brave Heart, Myanmar

Việc tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế là chưa đủ. Các nhà đầu tư cần phải tôn trọng người dân bản địa và chính quyền địa phương nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án ODI. Hòa hòa giữa lợi ích của nhà đầu tư và người dân sở tại là điều kiện bắt buộc. Sau quá trình cải cách nền kinh tế và mở cửa thị trường năm 2010, Myanmar được nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm. Kinh nghiệm của Việt Nam và các quốc gia khác trong lưu vực Mê Kông là những bài học có thể áp dụng tại Myanmar.

TS. Saykham Voladet, Viện Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào

Chính phủ Lào đã có nhiều nỗ lực để khuyến khích dòng vốn FDI nhưng cũng không quên các vấn đề môi trường và xã hội, vốn là hai trong ba trụ cột của phát triển bền vững. Tranh chấp đất đai và ô nhiễm môi trường đang những vấn đề nóng ở Lào hiện nay. Mặc dù Lào đã có những quy định về đánh giá tác động môi trường nhằm ngăn chặn và cải thiện những vấn đề môi trường, nhưng quá trình thực hiện lại có nhiều hạn chế. Năng lực thực thi pháp luật và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên là hai thách thức lớn nhất của Lào. Lào đang nỗ lực nhiều hơn nữa nhằm cân bằng, hài hòa và cải thiện lợi ích của người dân với các nhà đầu tư,

Ông Bounlap Pathilath, Hiệp hội Phát triển Môi trường và Nông nghiệp Bền vững (SAEDA), Lào

Đồng tình với TS Saykham Voladet về những thách thức đối với Lào, ông Bounlap Pathilath chia sẻ về những sứ mệnh và kinh nghiệm của tổ chức mình trong việc hỗ trợ những người dân địa phương. Dựa trên kinh nghiệm, ông Bounlap đề xuất các tổ chức xã hội cần tham gia nhiều hơn trong quá trình đánh giá, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và giám sát thực thi pháp luật.

Ông Phan Văn Hiền, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính, Việt Nam

Ông Phan Văn Hiền chia sẻ về kế hoạch của Bộ Tài chính trong việc tăng cường hiệu quả Đầu tư trực tiếp nước ngoài giữa ba quốc gia Campuchia, Lào và Việt Nam. Một trong những nội dung đáng chú ý của kế hoạch và xây dựng các quy định khoán thuế, ân huệ thuế và tránh đánh thuế hai lần. Thất bại của Việt Nam trong việc quản lý hoạt động chuyển giá của Coca-cola là bài học lớn cho nhiều quốc gia như Campuchia và Lào. Vì vậy, ở tầm chính phủ, các quốc gia trong khu vực cần thúc đẩy ký các Hiệp định về chống chuyển giá, tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin. Ngoài ra, ông Hiền cũng đã chia sẻ về bài học của Việt Nam trong việc đền bù quyền sử dụng đất cho người dân. Trong nhiều dự án phát triển ở Việt Nam, người dân địa phương đã không quản lý, tái đầu tư tốt khoản tiền đền bù. Do đó, họ đã đối mặt với rất nhiều khó khăn khi mất đất canh tác và sử dụng hết khoản tiền đền bù. Ông Hiền đưa ra kiến nghị các chính phủ cần quan tâm nhiều hơn đến việc chuyển đổi nghề

nghiệp và tái cơ cấu lao động nhằm hạn chế các tác động xã hội tiêu cực khi thực hiện các dự án đầu tư.

Ông Nguyễn Văn Toàn, Phó chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài Việt Nam

Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar là bốn nước nghèo nhất trong khu vực ASEAN. Vì vậy, sự chia sẻ và hợp tác giữa các quốc gia có cùng điều kiện vô cùng cần thiết để hướng tới một cộng đồng chung ASEAN. Sự đoàn kết của các quốc gia trong khối ASEAN sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các quốc gia thành viên. Bên cạnh sự tuân thủ luật pháp của quốc gia và nước sở tại, các nhà đầu tư cần phải tôn trọng những văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo truyền thống của người bản địa. Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định khi phân cấp cấp phép đầu tư nhưng cũng có nhiều bài học cần rút kinh nghiệm. Nên tiếp cận hợp tác đầu tư theo chiến lược đôi bên cùng có lợi. Các tổ chức xã hội nên hỗ trợ Chính phủ trong việc làm cầu nối thông tin giữa các nhà đầu tư, người dân địa phương và giúp giám sát việc thực hiện dự án.

Ngoài ra, ông Toàn cũng chia sẻ về thực trạng đầu tư của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Chính phủ Việt Nam đánh giá cao nguồn vốn FDI của Châu Âu. Tuy nhiên, số lượng vốn FDI từ Châu Âu đổ vào Việt Nam chưa đáp ứng được tiềm năng của cả hai bên. FDI của Châu Âu chỉ đứng thứ 4 trong những nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam. Vậy đâu là rào cản cho vốn FDI của Châu Âu chảy vào Việt Nam?

Ông Christophe Schill, Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam

Các số liệu về vốn đăng ký và vốn thực đầu tư luôn có sự khác biệt. Nhật Bản và Hàn Quốc là hai nhà đầu tư lớn nhất chỉ theo số vốn đăng ký. Các doanh nghiệp Châu Âu rất thận trọng khi đầu tư ở Việt Nam bởi sự thiếu minh bạch, thủ tục đầu tư phức tạp, sự yếu kém trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tham nhũng. Đây là những khó khăn lớn, đặc biệt cho những nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao và công nghệ xanh. Hơn nữa, không chỉ tuân thủ theo pháp luật Việt Nam, các công ty Châu Âu còn phải tuân thủ những quy định chặt chẽ của EU về giảm thiểu những tác động không mong muốn đối với môi trường và xã hội. Những quy định này ở một khía cạnh nào đó là những rào cản làm giảm tính cạnh tranh khi so sánh với các nhà đầu tư khác như Trung Quốc.

Ông Trần Minh, Trung tâm Nghiên cứu Truyền thông Phát triển (RED Communication)

Một số nhà đầu tư “xấu” của Việt Nam ở nước ngoài phá hoại hình ảnh của đất nước. Do đó, giới truyền thông cần tăng cường cảnh báo Chính phủ về những tác động tiêu cực của hoạt động đầu tư ở nước ngoài. Ông Minh cũng đề xuất nên thành lập một Ủy ban của các tổ chức phi chính phủ nhằm thực hiện đánh giá độc lập tác động của các dự án FDI/ ODI tại khu vực Mê Kông và báo cáo lại cho Chính phủ và các nhà tài trợ.

Ông Lê Xuân Dương, Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương

Trong phạm vi phát triển bền vững tiểu vùng sông Mê Kông, các Chính phủ luôn có kế hoạch phát triển và có lợi ích cho riêng mình. Do đó, cần cơ chế điều hành giữa các nước trong khu vực như đền bù thiệt hại, bồi hoàn lợi ích. Ủy hội Mê Kông hiện nay chưa đủ sức mạnh và năng lực trong việc quản lý các vấn đề của khu vực. Ông Dương kỳ vọng Cộng đồng kinh tế ASEAN tương lai có thể thành lập một cơ chế hoạt động đặc biệt để giải quyết được những vấn đề về môi trường – xã hội trong khu vực tiểu vùng Mê Kông Vấn đề phản biện xã hội của các tổ chức xã hội và báo chí như đã làm trong hội thảo là rất cần thiết.

Bà Hoàng Thị Tư – Ban Kinh tế Trung ương

Cần đánh giá đầy đủ về cả nguyên nhân và tồn tại, đặc biệt là vấn đề mâu thuẫn lợi ích giữa các bên thì mới tìm ra được giải pháp tổng thể phát triển hài hòa. Bà Tư cũng đề xuất xây

dựng bộ tiêu chí đánh giá tổng thể của dự án về tác động, lợi ích của tất cả các bên để tính hiệu quả đầu tư lâu dài. Do khuôn khổ pháp luật chưa hoàn thiện nên các nhà đầu tư thường lợi dụng để lách luật, do đó năng lực quản lý của các cơ quan chức năng địa phương và hợp tác giữa các cơ quan quản lý song phương và đa phương cần phải được tăng cường. Các tổ chức xã hội cần đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức.

Bà Tania Lee – Tổ chức Sông ngòi Thế giới

Đầu tư quy mô lớn ở Tiểu vùng Mê Kông, đặc biệt là các dự án thủy điện quy mô lớn chưa chắc đã là phát triển bền vững. Do đó, việc công bố và trao đổi thông tin cần được thực hiện ở cả hai phía. Bà Lee cũng chuyển câu hỏi rằng ở Việt Nam có ai lắng nghe nguyện vọng của người dân Campuchia về việc dành đất đai và dòng sông cho con cháu họ sau này.

Ông Eang Vuthy – Equitable Cambodia

Thay vì mời gọi đầu tư FDI chúng ta nên hoàn thiện khung pháp lý trước khi cho các nhà đầu tư vào. Việc Chính phủ Campuchia giám sát chặt chẽ các nhà đầu tư là cần thiết nhưng chưa đủ, Chính phủ Việt Nam cũng cần giám sát hoạt động đầu tư của mình ra nước ngoài để bảo vệ hình ảnh các nhà đầu tư Việt Nam.

Phần V: Tổng kết và Kết luận

Nhà báo Nguyễn Cao Cường tổng hợp các bình luận tại Hội thảo. Sau 12 bài tham luận của các diễn giả, đã có khoảng 20 câu hỏi và bình luận được nêu trực tiếp tại Hội thảo. Phần lớn những câu hỏi tập trung vào bức tranh tổng thể của hợp tác phát triển trong Tiểu vùng Mê Kông và giải pháp hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong khu vực. Các đề xuất từ hội thảo chủ yếu tập chung vào các vấn đề chính sau:

- (i) Các chính phủ hoàn thiện chính sách, luật pháp phù hợp để quản lý tốt hoạt động đầu tư nước ngoài, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- (ii) Cần nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội dân sự, truyền thông và cộng đồng trong việc giám sát thực thi các dự án phát triển nói chung và dự án đầu tư nước ngoài nói riêng.
- (iii) Cần nghiên cứu tham gia một số sáng kiến và xây dựng các nguyên tắc trong quá trình triển khai dự án để giảm thiểu các tác động không mong muốn của hoạt động đầu tư.
- (iv) Hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực cần đảm bảo hài hòa lợi ích chung của cả khu vực hướng tới mục tiêu phát triển ổn định và bền vững.

Phụ lục I – Danh sách tham dự hội thảo

STT	Họ và tên	Cơ quan
Khách mời quốc tế		
1	Ông Meach Mean	Mạng lưới Bảo vệ sông 3S, Campuchia
2	Ông Saravuth Tek	Tổ chức CEE, Campuchia
3	Ông Eang Vuthy	Tổ chức Equitable, Cambodia
4	Ông Hok Sav	Tổ chức My Village, Campuchia
5	Ông Siphath Touch	Bộ Phát triển Nông thôn, Campuchia
6	Ông Sok Sopheaktra	Bộ Môi trường, Campuchia
7	Ông Pen Ratana	Tổ chức Heinrich Boll Stiftung Campuchia
8	Ông Kimchheang Chea	Trường ĐH Nông nghiệp Hoàng gia (RUA)
9	TS. Saykham Voladet	Bộ Kế hoạch Đầu tư Lào
10	Ông Touyeelor Chixangtongpao	Tổ chức Village Focus International (VFI), Lào
11	Ông Bounlap Pathilath	Tổ chức SAEDA, Lào
12	Ông Lattana KEOBOUNMA	Hiệp hội Toàn cầu về Môi trường và Con người, Lào
13	Ông Yadana (THAN HTAIK)	Quỹ BRAVEHEART, Myanmar
14	Ông Tun Tun Naing	Paung Ku , Myanmar
15	Bà Tania Lee	Tổ chức Sông ngòi Thế giới
16	Ông Jeremy Ironside	Quỹ McKnight
17	Ông Christoph Schill	Phòng Thương mại Châu Âu ở Việt Nam
18	TS. Munny Chanthavong	Đại sứ quán Lào
19	Ông Ounkham Pimmata	Nhà báo, Lào
20	Ông Madriaga Jesse Ramon	Nhà báo, Phillipine
Khách mời Việt Nam		
1	PGS, TS. Nguyễn Thế Chinh	Phó Viện trưởng, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và Môi trường
2	Bà Đỗ Thị Trà Linh	Phó Trưởng ban Tín dụng đầu tư, Ngân hàng Phát triển Việt Nam

3	Bà Nguyễn Thu Phương	Chuyên viên Ban Tín dụng đầu tư, Ngân hàng Phát triển Việt Nam
4	Bà Phạm Cẩm Nhung	WWF Việt Nam
5	Bà Nguyễn Đào Ngọc Vân	WWF Việt Nam
6	Bà Lê Thủy Anh	WWF Việt Nam
7	Ông Phạm Quang Phúc	Ngân hàng Phát triển Châu Á
8	Ông Nguyễn Duy Thắng	Ngân hàng Phát triển Châu Á
9	Ông Phan Trường Giang	Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Vĩnh Phúc
10	Ông Nguyễn Hồng Vương	Ban Pháp Chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
11	Ông Hoàng Thanh Hải	Giám đốc khu vực miền Bắc, Ngân hàng Sacombank
12	Ông Trần Ngọc Ngoạn	Phó Viện trưởng Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm KHXH VN
13	Ông Nguyễn Huy Hoàng	Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH VN
14	Ông Phan Văn Hiến	Chuyên viên cao cấp Cục quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính
15	Bà Phan Thị Hoài Chân	Ban Kinh tế Trung ương
16	Bà Hoàng Thị Tư	Vụ trưởng Vụ Kinh tế TH, Ban Kinh tế TW
17	Ông Đỗ Thanh Bái	Hội Hóa học Việt Nam
18	Ông Nguyễn Đắc Hải	Tổng công ty kinh tế KTCN Quốc phòng
19	Bà Nguyễn Thu Hương	
20	Bà Trần Phương Anh	
21	Ông Hà Huy Ngọc	Phó GD - Trung tâm nghiên cứu chiến lược chính sách Môi trường, Viện Nghiên cứu Môi trường và PTBV, Viện Hàn lâm khoa học Xã hội Việt Nam
22	Ông Vũ Văn Hòa	Trưởng ban Ban Các vấn đề quốc tế, Viện Chiến lược phát triển
23	Bà Hà Thị Thanh Bình	Tổng thư ký Hiệp hội các nhà đầu tư VN sang Lào-Campuchia-Myanmar
24	Ông Trương Nguyên Minh	Đại diện BIDV

25	Ông Phan Đình Nhã	Viện Tư vấn Phát triển (CODE)
26	GS. Phạm Duy Hiền	Chủ tịch Hội đồng khoa học, Cục Kiểm soát và an toàn bức xạ, hạt nhân
27	Ông Phạm Quốc Vượng	Chuyên viên Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT
28	Ông Lê Đình Tĩnh	Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chất lượng
29	Bà Lê Thùy Linh	Chuyên viên, Viện Nghiên cứu chiến lược ngoại giao, Học viện Ngoại giao
30	Bà Hồ Vĩnh Sơn	Tổng cục Môi trường
31	Bà Nguyễn Thùy Linh	
32	Ông Trần Nhật Minh	Giám đốc Trung tâm nghiên cứu truyền thông phát triển
33	Ông Trịnh Đình Thắng	Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Công Thương
34	Ông Nguyễn Lê Trinh	Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Công Thương
35	Ông Lê Xuân Dương	Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ xuất khẩu, Cục XTTM
36	Ông Đinh Xuân Lập	Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu tài nguyên và Phát triển nông thôn (RECERD)
37	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Cán bộ dự án, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu tài nguyên và Phát triển nông thôn (RECERD)
38	Bà Lê Thị Lan Anh	Trung tâm Hỗ trợ Ứng phó Biến đổi Khí hậu
39	Ông Nguyễn Nhân Quảng	Trung tâm Quản lý Tổng hợp Tài nguyên nước
40	Bà Nguyễn Thị Hồng	Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam
41	Ông Nguyễn Trí Thanh	Asia Foundation (AF)
42	GS. Nguyễn Mại	Chủ tịch VAFIE
43	Ông Nguyễn Văn Toàn	Phó Chủ tịch VAFIE
44	Ông Trần Du	Giám đốc Trung tâm Thông tin và Tư vấn đầu tư, VAFIE
45	Ông Hạ Bá Tuấn	Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ và quảng bá Doanh nghiệp, VAFIE
46	Ông Nguyễn Cao Cường	Tổng biên tập Tạp chí Diễn đàn Đầu tư
47	Ông Nguyễn Thanh Hà	Thư ký tòa soạn Tạp chí Diễn đàn Đầu tư
48	TS. Tô Xuân Phúc	Forest Trends
49	Ông Trịnh Lê Nguyên	Giám đốc PanNature
50	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng phòng Nghiên cứu Chính sách - PanNature
51	Bà Trần Hồng Phượng	Trợ lý chương trình Chính sách - PanNature
52	Bà Nguyễn Hoàng Phượng	Cán bộ nghiên cứu - PanNature
53	Ông Nguyễn Xuân Lâm	Cán bộ nghiên cứu - PanNature

54	Ông Dương Văn Thọ	Phòng Truyền thông, PanNature
55	Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Giám đốc, PanNature
56	Bà Đỗ Thị Hải Linh	Trưởng phòng Truyền thông, PanNature
57	Ông Bùi Tường Lâm	Phó Chủ tịch thường trực VILACAED
58	Ông Cao Văn Bản	Trưởng ban Hỗ Trợ phát triển VILACAED
59	Ông Nguyễn Thế Hiền	Chánh văn phòng VILACAED
60	Ông Hoàng Sỹ Động	Ủy viên Ban chấp hành VILACAED
61	Ông Nguyễn Huân	Báo Nông nghiệp Việt Nam
62	Ông Dương Thanh Tùng	Báo Thanh Tra
63	Bà Đỗ Bích Liên	Báo điện tử ĐCSVN
64	Ông Chu Khôi	Thời báo kinh tế VN
65	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ban Thời sự chính trị, Báo điện tử Đảng CSVN
66	Bà Giang Thanh	BTV VTC1
67	Ông Đỗ Thế Dũng	Báo Hà Nội Mới
68	Ông Nguyễn Bảo Quốc	CT Việt Nam Xanh - VTV2
69	Ông Vũ Thanh Luân	
70	Bà Kim Ngân	Tạp chí Doanh nghiệp Đầu tư
71	Bà Hoàng Yên	Báo Lao động điện tử
72	Bà Vũ Thị Hương	Tạp chí Kinh tế Môi trường
73	Ông Cao Hồng Cảnh	Tạp chí Doanh nghiệp Đầu tư
74	Ông Lưu Thanh Tuấn	Ban biên tập Tin trong nước - TTXVN
75	Ông Lê Vĩnh Phong	Hệ phát thanh đối ngoại - VOV
76	Ông Tạ Quang Toàn	Ban Biên tập tin Kinh tế - TTXVN
77	Ông Vương Trung Tuyển	Ban Khoa giáo- Báo Nhân Dân
78	Ông Văn Định	Báo điện tử Người đưa tin
79	Ông Lê Minh Hải	Tạp chí thuộc Bộ KHĐT
80	Bà Lam Hạnh	Báo Pháp luật VN
81	Ông Nguyễn Văn Tùng	Báo Nông thôn Ngày nay
82	Ông Nguyễn Thủy Chung	Báo Vĩnh Phúc
83	Ông Nguyễn Ngọc Thắng	
84	Ông Vũ Văn Huân	Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, VPQH
85	Ông Hoàng Quốc Dũng	Diễn đàn Nhà báo Môi trường Việt Nam
86	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Báo Chất lượng Việt Nam
87	Ông Nguyễn Bảo Hà	Báo Làng nghề

Phụ lục II – Chương trình hội thảo

Thời gian	Nội dung	
<i>Ngày 9 tháng 5</i>		
15.00 – 18.00	Di chuyển Hà Nội – Tam Đảo	
19.00 – 21.00	Giao lưu và ăn tối	
<i>Ngày 10 tháng 5</i>		
7.30 – 8.00	Đăng ký đại biểu– <i>PanNature, Tạp chí ĐTN</i>	
8.00 – 8.30	-Giới thiệu hội thảo – <i>PanNature</i> - Phát biểu khai mạc hội thảo – <i>Gs. Nguyễn Mại, VAFIE</i>	
Thực trạng về FDI và ODI của Việt Nam		
8.30 – 8.45	Các chính sách quản lý và thực trạng đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài– <i>Cục Quản lý Đầu tư nước ngoài</i>	
8.45 – 9.30	Hợp tác đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội khu vực tam giác phát triển CLV – <i>Ts. Cao Văn Bản, VILACAED</i>	
9.30 – 9.45	Phát triển bền vững và đầu tư nước ngoài– <i>Gs. Nguyễn Mại, VAFIE</i>	
9:45 – 10:15	Hỏi – Đáp	
10:15 – 10.30	Nghỉ giữa giờ	
Tác động môi trường - xã hội từ hoạt động đầu tư		
10.30 – 12.00	<i>Chủ đề I: Đầu tư trong khai khoáng và thủy điện</i>	<i>Chủ đề II: Đầu tư trong lâm nghiệp – đất đai</i>
	Sự tham gia của Việt Nam trong phát triển thủy điện lưu vực sông Mê Kông – <i>Ông Nguyễn Nhân Quảng, CIWAREM/PanNature</i>	Đầu tư của Việt Nam vào Lào qua góc nhìn của thương mại gỗ – <i>Ts. Tô Xuân Phúc, Forest Trends</i>
	Phát triển thủy điện lưu vực 3S và tác động đối với cộng đồng– <i>Ông Meach Mean, 3SPN</i>	Đầu tư đất quy mô lớn ở Campuchia: Cơ chế và tác động – <i>Ông Siphath Touch, Cambodia</i>
	Khía cạnh tác động môi trường và cộng đồng ở các dự án thủy điện Xekaman (Lào): Một số đề xuất và kiến nghị cho nhà đầu tư– <i>Bà Tania Lee, Tổ chức Sông ngòi Thế giới</i>	Cạnh tranh đầu tư khai thác tài nguyên trong khu vực Mê Kông và những hệ lụy – <i>Ông Ratana Pen, Heinrich Böll Stiftung</i>

12.00 – 13.30	Ăn trưa
13.30 – 14.30	Phản hồi: Tóm tắt nội dung của hai chủ đề hội thảo ở buổi sáng – <i>Điều hành: PanNature</i>
Quản lý tốt hơn nguồn vốn đầu tư nước ngoài-	
14:30 – 14:45	Tuyên bố chính sách của Ngân hàng Phát triển châu Á – <i>Ông Nguyễn Duy Thăng, ADB</i>
14:45 – 15.00	Các khuyến khích đầu tư bền vững và cơ hội cho doanh nghiệp châu Âu ở Việt Nam – <i>Ông Christoph Schill, EuroCham</i>
15.00 – 15.15	Nguyên tắc Xích đạo và các chuẩn mực tự nguyện trong quản lý đầu tư – <i>Ông Trịnh Lê Nguyên, PanNature</i>
15.15 – 15.30	Nghỉ giữa giờ
15.30 – 16.30	Đối thoại chính sách
16.30 – 17.00	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt kết quả hội thảo – <i>Nhà báo Nguyễn Cao Cường</i> - Bế mạc – <i>Ông Trịnh Lê Nguyên (PanNature)</i>